

Số: 2225/QĐ-ĐHYD

Thái Nguyên, ngày 25 tháng 10 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công nhận kết quả rèn luyện
học kỳ I, năm học 2021 - 2022 cho sinh viên (đợt 3)

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC

Căn cứ Nghị định số 31/CP của Chính phủ ngày 04/4/1994 về việc thành lập Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Nghị quyết số 39/NQ-HĐĐHTN ngày 19/11/2021 của Hội đồng Đại học Thái Nguyên về việc Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Quyết định 08/QĐ-HĐTTĐHYD ngày 10/8/2020 của Hội đồng trường Trường Đại học Y Dược, Đại học Thái Nguyên về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường Đại học Y Dược, Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Quy chế về công tác người học tại trường Đại học Y Dược ban hành kèm theo Quyết định số 901/QĐ-ĐHYD ngày 12/5/2022 của Hiệu trưởng trường Đại học Y Dược;

Căn cứ Quyết định số 1979/QĐ-ĐHYD ngày 11/10/2021 của Hiệu trưởng trường Đại học Y Dược, Đại học Thái Nguyên về việc Ban hành quy chế đánh giá kết quả rèn luyện của người học được đào tạo trình độ đại học hệ chính quy;

Căn cứ Biên bản họp xét điểm rèn luyện cho sinh viên ngày 24/10/2022 của Hội đồng đánh giá kết quả rèn luyện trường Đại học Y Dược;

Theo đề nghị của ông Trưởng phòng Công tác HS-SV,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận kết quả xếp loại điểm rèn luyện học kỳ I, năm học 2021 - 2022 (đợt 3) cho 105 sinh viên. Trong đó:

Xếp loại Xuất sắc: 12 sinh viên; loại Tốt: 34 sinh viên; loại Khá: 59 sinh viên.

(Có danh sách chi tiết kèm theo)

Điều 2. Các ông (bà) Trưởng phòng Công tác HSSV, các phòng chức năng có liên quan, Bí thư Đoàn TNCS HCM, Chủ tịch Hội sinh viên, Cố vấn học tập và các sinh viên có tên tại Điều 1 căn cứ quyết định thi hành.

Nơi nhận:

- Như điều 2 (để thi hành);
- Phòng CNTT-TV (đăng website);
- Lưu VT, CT-HSSV.



KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TS. Nguyễn Kiều Giang

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC

**BIỂU TỔNG HỢP ĐIỂM RÈN LUYỆN SINH VIÊN LỚP RHM K12, LTD K21
HỌC KỲ I, NĂM HỌC 2021 - 2022 (Đợt 3)**

STT	Khóa/Ngành	Tổng	XS	Tốt	Khá	Trung bình
1	Răng hàm mặt K12	34	9	23	2	0
	Tổng	100	26,47	67,65	5,88	0
2	LTD K21	71	3	11	57	0
	Tổng	100	4,23	15,49	80,28	0



ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC

KẾT QUẢ RÈN LUYỆN HỌC KỲ I, NĂM HỌC 2021 - 2022
CỦA SINH VIÊN LỚP RĂNG HÀM MẶT K12

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Điểm rèn luyện	Xếp loại	Ghi chú
1	DTY1957205010001	Hoàng Phương	Anh	91	Xuất sắc	
2	DTY1957205010002	Kiều Mai	Anh	81	Tốt	
3	DTY1957205010003	Lê Quỳnh	Anh	85	Tốt	
4	DTY1957205010004	Bùi Ngọc	Ánh	80	Tốt	
5	DTY1957205010005	Đỗ Hải	Biên	90	Xuất sắc	
6	DTY1957205010006	Trịnh Huyền	Chân	81	Tốt	
7	DTY1957205010007	Nguyễn Kiều	Chinh	81	Tốt	
8	DTY1957205010008	Ngô Xuân	Chính	81	Tốt	
9	DTY1957205010009	Bùi Kiên	Cường	79	Khá	
10	DTY1957205010010	Đinh Thị Linh	Giang	95	Xuất sắc	
11	DTY1957205010011	Lưu Minh	Hằng	80	Tốt	
12	DTY1957205010012	Dương Thị Thanh	Hoài	80	Tốt	
13	DTY1957205010013	Trương Thị Thanh	Hoài	80	Tốt	
14	DTY1957205010014	Trần Văn	Hoàng	79	Khá	
15	DTY1957205010017	Lê Thanh	Huyền	80	Tốt	
16	DTY1957205010016	Trịnh Thị	Huyền	80	Tốt	
17	DTY1957205010015	Dương Mai	Hương	84	Tốt	
18	DTY1957205010018	Nguyễn Ngọc	Khánh	81	Tốt	
19	DTY1957205010019	Ma Khánh	Linh	80	Tốt	
20	DTY1957205010020	Nguyễn Thị Khánh	Linh	81	Tốt	
21	DTY1957205010021	Nguyễn Thị Thùy	Linh	81	Tốt	
22	DTY1957205010022	Đậu Nguyễn Nhật	Minh	90	Xuất sắc	
23	DTY1957205010023	Võ Thị Thúy	Nga	80	Tốt	
24	DTY1957205010024	Nguyễn Vân	Ngọc	81	Tốt	
25	DTY1957205010025	Tô Thị Huyền	Nhung	81	Tốt	
26	DTY1957205010026	Vũ Thị	Nhường	95	Xuất sắc	
27	DTY1957205010027	Nguyễn Thị Hoàng	Oanh	82	Tốt	
28	DTY1957205010028	Nguyễn Trần Anh	Quân	92	Xuất sắc	
29	DTY1957205010029	Trịnh Tiến	Tài	90	Xuất sắc	
30	DTY1957205010030	Trần Phương	Thảo	90	Xuất sắc	
31	DTY1957205010031	Ngô Bích	Thủy	92	Xuất sắc	
32	DTY1957205010032	Vũ Thị Ánh	Thùy	80	Tốt	
33	DTY1957205010033	Võ Thị	Xinh	84	Tốt	
34	DTY1957205010034	Hoàng Hải	Yến	80	Tốt	

KẾT QUẢ RÈN LUYỆN HỌC KỲ I, NĂM HỌC 2021 - 2022
CỦA SINH VIÊN LỚP LIÊN THÔNG DƯỢC K21

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Điểm rèn luyện	Xếp loại	Ghi chú
1	DTY21K7202010073	Hoàng Thị Ngọc	Anh	72	Khá	
2	DTY21K7202010028	Nguyễn Mai	Anh	72	Khá	
3	DTY21K7202010053	Nguyễn Thị Kiều	Anh	71	Khá	
4	DTY21K7202010037	Nguyễn Thị Vân	Anh	72	Khá	
5	DTY21K7202010043	Cao Hoa	Chi	72	Khá	
6	DTY21K7202010071	Cao Quyết	Chiến	69	Khá	
7	DTY21K7202010034	Nguyễn Văn	Chung	72	Khá	
8	DTY21K7202010015	Youacho Dokkeothor		73	Khá	
9	DTY21K7202010019	Phạm Thị	Dung	72	Khá	
10	DTY21K7202010067	Nguyễn Thị	Duyên	71	Khá	
11	DTY21K7202010069	Phạm Thị	Duyên	83	Tốt	
12	DTY21K7202010061	Nguyễn Thị Thùy	Dương	72	Khá	
13	DTY21K7202010066	Đỗ Thị	Hà	71	Khá	
14	DTY21K7202010075	Nguyễn Thị Thái	Hà	72	Khá	
15	DTY21K7202010024	Nguyễn Thị Thu	Hà	71	Khá	
16	DTY21K7202010039	Nguyễn Thị Hiếu	Hạnh	72	Khá	
17	DTY21K7202010082	Trần Thị Thu	Hạnh	81	Tốt	
18	DTY21K7202010068	Nguyễn Thị	Hào	71	Khá	
19	DTY21K7202010003	Hoàng Thị Thu	Hằng	75	Khá	
20	DTY21K7202010047	Nguyễn Thị	Hoa	72	Khá	
21	DTY21K7202010046	Trần Phương	Hoa	81	Tốt	
22	DTY21K7202010060	Cao Thị Ánh	Hồng	72	Khá	
23	DTY21K7202010080	Nguyễn Mạnh	Hùng	71	Khá	
24	DTY21K7202010074	Ngô Nhân	Hung	71	Khá	
25	DTY21K7202010077	Phạm Thu	Hương	72	Khá	
26	DTY21K7202010009	Keophimmasone Kaenchanh		67	Khá	
27	DTY21K7202010004	Lê Ngọc	Khánh	82	Tốt	
28	DTY21K7202010013	Phanmeexay Khemkham		72	Khá	
29	DTY21K7202010081	Lương Thị	Khoa	72	Khá	
30	DTY21K7202010023	Vũ Thị	Lan	74	Khá	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Điểm rèn luyện	Xếp loại	Ghi chú
31	DTY21K7202010027	Lê Diễm	Lệ	72	Khá	
32	DTY21K7202010057	Nguyễn Thị	Liên	72	Khá	
33	DTY21K7202010072	Nguyễn Thị	Liều	72	Khá	
34	DTY21K7202010040	Hoàng Hoài	Linh	72	Khá	
35	DTY21K7202010022	Lê Khánh	Linh	71	Khá	
36	DTY21K7202010044	Lê Nhật	Linh	72	Khá	
37	DTY21K7202010026	Nguyễn Thị Thùy	Linh	82	Tốt	
38	DTY21K7202010079	Phạm Thị Hồng	Linh	72	Khá	
39	DTY21K7202010051	Đặng Thị Thúy	Lương	91	Xuất sắc	
40	DTY21K7202010031	Nguyễn Thanh	Mai	72	Khá	
41	DTY21K7202010032	Trần Thị	Mai	72	Khá	
42	DTY21K7202010054	Đỗ Văn	Mạnh	81	Tốt	
43	DTY21K7202010016	Keobounkham Meenu		67	Khá	
44	DTY21K7202010062	Nguyễn Thị	Mùi	71	Khá	
45	DTY21K7202010056	Lê Thị Hà	My	82	Tốt	
46	DTY21K7202010014	Phimmasone Nalin		70	Khá	
47	DTY21K7202010042	Trần Thị	Ngân	91	Xuất sắc	
48	DTY21K7202010049	Lê Hồng	Ngọc	71	Khá	
49	DTY21K7202010065	Nguyễn Thị	Ngọc	72	Khá	
50	DTY21K7202010083	Phạm Thị	Nguyên	71	Khá	
51	DTY21K7202010070	Đào Thị	Nhung	81	Tốt	
52	DTY21K7202010018	Trần Thị Thùy	Nhung	72	Khá	
53	DTY21K7202010035	Nguyễn Thị	Nụ	72	Khá	
54	DTY21K7202010059	Nguyễn Thị Vân	Oanh	72	Khá	
55	DTY21K7202010038	Đinh Thị Mai	Phương	72	Khá	
56	DTY21K7202010064	Nguyễn Thị	Quỳnh	71	Khá	
57	DTY21K7202010084	Phùng Quốc	Sinh	71	Khá	
58	DTY21K7202010012	Southixay Sokthavee		66	Khá	
59	DTY21K7202010011	Singhadouangpanya Souphaphone		67	Khá	
60	DTY21K7202010010	Sekseetheb Souvanhnee		67	Khá	
61	DTY21K7202010033	Trần Thị Thanh	Tâm	74	Khá	
62	DTY21K7202010025	Lê Thị	Thắm	74	Khá	
63	DTY21K7202010029	Tạ Minh	Thía	72	Khá	
64	DTY21K7202010008	Nguyễn Thị Minh	Thúy	90	Xuất sắc	

4

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Điểm rèn luyện	Xếp loại	Ghi chú
65	DTY21K7202010041	Nguyễn Thị Ngọc Thúy	84	Tốt	
66	DTY21K7202010076	Lê Thị Toàn	71	Khá	
67	DTY21K7202010020	Hồ Thị Trang	73	Khá	
68	DTY21K7202010078	Nguyễn Thế Tuấn	81	Tốt	
69	DTY21K7202010055	Đỗ Thị Như Ý	72	Khá	
70	DTY21K7202010050	Nguyễn Hải Yên	71	Khá	
71	DTY21K7202010036	Nguyễn Thị Hải Yên	82	Tốt	

(Handwritten signature)

